

Môn: Địa lí (**BẢNG A**)

(Hướng dẫn chấm này có 06 trang)

**A. Hướng dẫn chung:**

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.
2. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình chấm phải được trao đổi, thống nhất trong tổ chấm và hội đồng chấm thi.
3. Điểm toàn bài là tổng số điểm các câu trong bài, không làm tròn.

**B. Đáp án và thang điểm:**

Câu	Ý	Nội dung chính cần trả lời	Biểu điểm
1 (4,0điểm)	1	<p><b>*, Hình Đường biểu diễn chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong năm: (1,0 điểm)</b></p> <p>Tháng</p> <p><u>Trừ điểm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có vĩ độ: 0<sup>0</sup>, 23<sup>0</sup>27'B, 23<sup>0</sup>27'N: - 0,25 điểm.</li> <li>- Không xác định các ngày: 21/3; 22/6; 23/9; 22/12: - 0,25 điểm.</li> <li>- Không thể hiện các tháng, không có tên hình vẽ: - 0,25 điểm.</li> </ul> <p><b>*, Ý nghĩa các ngày: (1,0 điểm)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý nghĩa khái quát: là ngày Mặt Trời lên thiên đỉnh (mọc chính Đông, lặn chính Tây) và bắt đầu (kết thúc) các mùa trong năm theo dương lịch ở Bán cầu Bắc.</li> <li>- Xét từng ngày:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngày 21/3-Xuân phân: Mặt Trời lên thiên đỉnh ở Xích đạo (0<sup>0</sup>); bắt đầu mùa xuân (kết thúc mùa đông). 0,25</li> <li>+ Ngày 22/6-Hạ chí: Mặt trời lên thiên đỉnh ở Chí tuyến Bắc (23<sup>0</sup>27'B); bắt đầu mùa hạ (kết thúc mùa xuân). 0,25</li> <li>+ Ngày 23/9-Thu phân: Mặt trời lên thiên đỉnh ở Xích đạo (0<sup>0</sup>); bắt đầu mùa thu (kết thúc mùa hạ). 0,25</li> <li>+ Ngày 22/12-Đông chí: Mặt trời lên thiên đỉnh ở Chí tuyến Nam (23<sup>0</sup>27'N); bắt đầu mùa đông (kết thúc mùa thu). 0,25</li> </ul> </li> </ul>	1,00



	<p>Độ cao T.Bình của TSB &lt; 1000m, núi cao trên 1000m có: Bạch Mã 1444m, Động Ngải 1774m; ngoài Puxailaileng, chỉ có Rào Cỏ cao trên 2000m(2235m)...</p> <p><i>*, Về hướng nghiêng địa hình:</i> TSN phức tạp hơn TSB: 0,25</p> <p>- TSB có hướng nghiêng thể hiện rõ theo hướng TB-ĐN. 0,25</p> <p>- TSN có hướng nghiêng phức tạp: phía Bắc cao ở Tây Bắc, thấp dần về phía Đông Nam; phía Nam cao ở phía Đông Bắc, thấp dần về phía Tây Nam.</p> <p><i>*, Hướng núi:</i> TSB hướng núi rõ nét hơn TSN. 0,25</p> <p>- TSB có hướng núi đơn giản: các dãy núi song song và so le hướng TB-ĐN là chủ yếu, nên các thung lũng sông chính cũng cùng hướng này, ngoài ra có hướng á Tây – Đông như: Hoàng Sơn, Bạch Mã. 0,25</p> <p>- TSN có hướng núi khá phức tạp, nhìn chung trên toàn lãnh thổ là hướng vòng cùng quay lưng ra biển, nhưng xét từng khu vực có sự thể hiện khác nhau: phía Bắc có hướng TB – ĐN, phía Nam có hướng ĐB – TN, vì vậy các thung lũng sông cũng thể hiện hướng khá đa dạng. 0,25</p> <p><i>*, Về sự bất đối xứng hai sườn Tây – Đông:</i> Sự bất đối xứng ở TSN rõ rệt hơn: TSN núi cao giáp biển, phía Đông có nhiều đỉnh núi cao trên 2000m sườn dốc chênh vênh bên dải đồng bằng nhỏ hẹp, phía Tây là bề mặt các cao nguyên tương đối bằng phẳng, độ cao từ 500-1000m. 0,25</p> <p><i>*, Về cấu trúc địa hình và các dạng địa hình chính::</i></p> <p>- TSB cấu trúc là các dãy núi dài, hẹp ngang, sự phân bậc không rõ rệt, có nhiều dạng địa hình, phía Bắc là vùng núi cao Thượng du Nghệ An, phía Nam là vùng núi cao Tây Thừa Thiên Huế, ở giữa là vùng núi đá vôi Quảng Bình... 0,25</p> <p>- TSN cấu trúc là các khối núi đồ sộ, nhiều cao nguyên có mặt bằng rộng, thể hiện sự phân bậc rõ rệt: cao nguyên cao trên 2000m là cao nguyên Lâm Viên; cao nguyên cao trên 1500m là cao nguyên Kontum; cao nguyên cao trên 1000m là cao nguyên Mơ Nông, Đắc Lắc, Plâycu... 0,25</p> <p><i>*, Ngoài ra, về diện tích:</i> TSB có diện tích nhỏ hơn và không có cao nguyên xếp tầng như TSN... 0,25</p> <p><b><i>*, Thường điểm:</i></b>  <i>Nếu HS giải thích được nguồn gốc hướng địa hình – độ cao địa hình; hoặc nêu được ảnh hưởng của địa hình đến khí hậu và các ngành sản xuất..... thì thường 0,50 điểm. Nhưng tổng điểm không vượt quá 4,0 điểm toàn câu.</i></p>	
<p>3 (3,0điểm)</p>	<p>1 <b><i>Đặc điểm: (2,25 điểm)</i></b>  <i>*, Đặc điểm vị trí địa lý: (1,0 điểm)</i></p> <p>- Hệ tọa độ địa lý:  <i>Vùng đất liền:</i>          +, Cực Bắc: 23<sup>0</sup>23'B tại Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang.          +, Cực Nam: 8<sup>0</sup>34'B tại Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau.          +, Cực Tây: 102<sup>0</sup>09'Đ tại Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên.          +, Cực Đông: 109<sup>0</sup>24'Đ tại Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa.  <i>Vùng biển:</i> Cực Nam: kéo dài đến 6<sup>0</sup>30'B; Cực Đông: khoảng 101<sup>0</sup>Đ;          Cực Tây: khoảng 117<sup>0</sup>20'Đ.</p>	<p>0,25</p>

	<p>- Đặc điểm:</p> <p>+ , Nằm trong vùng Nội chí tuyến Bán cầu Bắc. 0,25</p> <p>+ , Nằm ở rìa Đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á; gần với lục địa Á - Âu, tiếp giáp biển Đông và thông ra Thái Bình Dương, trên các tuyến đường giao thông quan trọng. 0,25</p> <p>+ , Đại bộ phận lãnh thổ nằm trong khu vực múi giờ số 7. 0,25</p> <p><i>* , Đặc điểm phạm vi lãnh thổ: là một khối thống nhất và toàn vẹn, gồm ba bộ phận: (1,25 điểm)</i></p> <p><i>Vùng đất:</i> 0,50</p> <p>- Lãnh thổ dài khoảng 15<sup>0</sup> vĩ tuyến, hình chữ S, diện tích 331212 km<sup>2</sup>.</p> <p>- Biên giới dài hơn 4600 km, giáp Trung Quốc, Lào, Campuchia.</p> <p>- Bờ biển dài 3260 km từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).</p> <p>- Có hơn 4000 đảo lớn nhỏ, có hai quần đảo ngoài khơi (QĐ Hoàng Sa, QĐ Trường Sa).</p> <p style="text-align: center;"><i>HS nêu được ¾ ý cho điểm tối đa</i></p> <p><i>Vùng biển:</i></p> <p>- Diện tích rộng khoảng 1 triệu km<sup>2</sup>, tiếp giáp với 8 nước (Trung Quốc, Campuchia, Philippin, Malaixia, Brunây, Indônêxia, Xingapo, Thái Lan). 0,25</p> <p>- Lãnh thổ vùng biển gồm 5 bộ phận: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa (theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982). 0,25</p> <p><i>Vùng trời:</i></p> <p>Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta: trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo. 0,25</p>	
2	<p><b><i>Giải thích: (0,75 điểm)</i></b></p> <p>- Thiên nhiên nước ta không khắc nghiệt như các nước cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi mà mang tính hải dương điều hòa do tác động tổng hợp của ba nhân tố: bức xạ Mặt Trời, hoàn lưu khí quyển, và bề mặt đệm.</p> <p>- Xét từng yếu tố:</p> <p>+ , Về bức xạ (nhiệt độ): do vị trí nằm trong vùng Nội chí tuyến, mọi địa phương đều có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh, góc nhập xạ lớn, lượng nhiệt lớn, nên sự bốc hơi nước từ sông, hồ, biển...và thoát hơi nước từ sinh vật diễn ra mạnh, cung cấp nguồn ẩm cho khí hậu. 0,25</p> <p>+ , Về hoàn lưu khí quyển: nước ta nằm trong vùng hoạt động của chế độ gió mùa Châu Á điển hình, những khu vực có gió mùa hoạt động thường có mưa nhiều; lại chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dải hội tụ nhiệt đới gây mưa. 0,25</p> <p>+ , Về bề mặt đệm: nước ta có vị trí bán đảo, giáp biển Đông, là một biển nhiệt đới nóng, ẩm. Biển Đông góp phần cung cấp hơi ẩm cho các khối khí di chuyển qua biển vào nước ta gây ra mưa lớn làm cho mùa hạ bớt oi bức, mùa đông bớt lạnh khô... 0,25</p> <p style="text-align: center;"><i>HS có thể không diễn giải đầy đủ vẫn cho điểm tối đa các ý</i></p>	

<p>4 (4,0điểm)</p>	<p>1 <b>Phân tích: (2,0 điểm)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhìn chung Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn TP. Hồ Chí Minh: 0,25</li> <li>+ , Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là 23,5<sup>0</sup>C so với 27,1<sup>0</sup>C của TP. HCM, thấp hơn 3,6<sup>0</sup>C. 0,25</li> <li>+ , Hà Nội có 3 tháng (12,1 và 2) nhiệt độ xuống dưới 20<sup>0</sup> C, thậm chí có 2 tháng nhiệt độ xuống dưới 18<sup>0</sup> C; TP. Hồ Chí Minh không có tháng nào nhiệt độ xuống dưới 25,7<sup>0</sup>C. 0,25</li> <li>- Trong mùa hạ: Hà Nội có 4 tháng (t6,t7,t8,t9) nhiệt độ cao hơn TP. Hồ Chí Minh. 0,25</li> <li>- Biên độ nhiệt độ ở Hà Nội cao (tới 12,5<sup>0</sup>C), phân mùa nóng-lạnh rõ nét; Biên độ nhiệt độ ở TP. Hồ Chí Minh thấp (chỉ có 3,2<sup>0</sup>C), nóng quanh năm. 0,50</li> <li>- Nhiệt độ tháng cao nhất của Hà Nội rơi vào tháng 7 (28,9<sup>0</sup>C), TP.HCM rơi vào tháng 4 (28,9<sup>0</sup>C); Nhiệt độ tháng thấp nhất của Hà Nội rơi vào tháng 1 (16,4<sup>0</sup>C), TP.HCM rơi vào tháng 12 (25,7<sup>0</sup>C). 0,50</li> </ul>																									
	<p>2 <b>Giải thích: (2,0 điểm)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nền nhiệt của Hà Nội thấp hơn, biên độ nhiệt lớn hơn TP. HCM và phân mùa nóng – lạnh; còn TP. HCM nóng quanh năm vì: 0,50</li> <li>+ , Hà Nội chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc tính chất lạnh, nguồn gốc từ áp cao Xibia thổi về, làm cho Hà Nội có một mùa đông lạnh. Gió mùa Đông Bắc chỉ hoạt động ở vĩ tuyến 16<sup>0</sup>B trở ra, nên TP. HCM không bị ảnh hưởng bởi gió này, không có mùa đông. 0,50</li> <li>+ , Lãnh thổ nước ta kéo dài theo chiều Bắc – Nam: Hà Nội nằm gần Chí tuyến, còn TP. HCM nằm gần Xích đạo, vì vậy chịu ảnh hưởng bởi quy luật địa đới (<i>nhiệt độ TB năm giảm dần từ Xích đạo về phía hai cực...</i>). 0,50</li> <li>- Trong mùa hạ nền nhiệt của Hà Nội cao hơn TP. HCM vì đây là thời kỳ mùa mưa ở TP. HCM, lượng mưa lớn làm cho khí hậu mát mẻ hơn; cùng lúc đó ở Hà Nội bị ảnh hưởng bởi áp thấp Đồng bằng Sông Hồng hút gió Tây Nam gây ra hiện tượng fon cục bộ. 0,50</li> <li>- Nhiệt độ tháng cao nhất của TP. HCM rơi vào tháng 4, Hà Nội rơi vào tháng 7 vì phụ thuộc vào chuyển động biểu kiến của Mặt trời-MT (TP. HCM nhận được ngày MT lên thiên đỉnh trước Hà Nội); Nhiệt độ tháng thấp nhất của hai địa điểm gần nhau (tháng 12-tháng 1) vì đây là thời gian MT chuyển động biểu kiến về Nam bán cầu...</li> </ul>																									
<p>5 (4,5điểm)</p>	<p>1 <b>Lập bảng số liệu: (0,25 điểm)</b></p> <p>Giá trị sản xuất CN SX hàng tiêu dùng nước ta từ 2000-2007 (giá so sánh 1994; đơn vị: nghìn tỉ đồng)</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2000</th> <th>2005</th> <th>2007</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tổng số</td> <td>31,2</td> <td>66,2</td> <td>96,1</td> </tr> <tr> <td>Trong đó:</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>+ , Dệt, may</td> <td>16,1</td> <td>34,4</td> <td>52,7</td> </tr> <tr> <td>+ , Da, giày</td> <td>8,9</td> <td>18,9</td> <td>27,2</td> </tr> <tr> <td>+ , Giấy, in, văn phòng phẩm</td> <td>6,2</td> <td>12,9</td> <td>16,2</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	2000	2005	2007	Tổng số	31,2	66,2	96,1	Trong đó:				+ , Dệt, may	16,1	34,4	52,7	+ , Da, giày	8,9	18,9	27,2	+ , Giấy, in, văn phòng phẩm	6,2	12,9	16,2	<p>0,25</p>
Năm	2000	2005	2007																							
Tổng số	31,2	66,2	96,1																							
Trong đó:																										
+ , Dệt, may	16,1	34,4	52,7																							
+ , Da, giày	8,9	18,9	27,2																							
+ , Giấy, in, văn phòng phẩm	6,2	12,9	16,2																							

2	<p><b>Vẽ biểu đồ: (2,25 điểm)</b></p> <p>- So sánh quy mô và bán kính: (có nêu công thức tính r)</p> <table border="1" data-bbox="337 226 1239 352"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Giá trị</th> <th>Quy mô</th> <th>Bán kính</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2000</td> <td>31,2</td> <td>1</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>2007</td> <td>96,1</td> <td>3,08</td> <td>1,76</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Tính cơ cấu: (%)</p> <p style="text-align: center;">Cơ cấu giá trị sản xuất CN SX hàng tiêu dùng nước ta năm 2000 và 2007</p> <table border="1" data-bbox="422 474 1122 722"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2000</th> <th>2007</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tổng số</td> <td>100,0</td> <td>100,0</td> </tr> <tr> <td>Trong đó:</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 20px;">+, Dệt, may</td> <td>51,6</td> <td>54,8</td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 20px;">+, Da, giày</td> <td>28,5</td> <td>28,3</td> </tr> <tr> <td style="padding-left: 20px;">+, Giấy, in, văn phòng phẩm</td> <td>19,9</td> <td>16,9</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Vẽ biểu đồ:</p> <p>+, Vẽ 2 biểu đồ hình tròn, đúng kỹ năng, có tính thẩm mỹ.</p> <p>+, Dạng khác không cho điểm.</p> <p>+, Trừ điểm: thiếu một dữ liệu trừ 0,25 điểm; vẽ hai hình tròn bằng nhau, hoặc hình tròn năm 2007 nhỏ hơn hình tròn năm 2000 thì trừ 0,5 điểm; sai tỉ lệ 1 thành phần trừ 0,5 điểm.</p>	Năm	Giá trị	Quy mô	Bán kính	2000	31,2	1	1	2007	96,1	3,08	1,76	Năm	2000	2007	Tổng số	100,0	100,0	Trong đó:			+, Dệt, may	51,6	54,8	+, Da, giày	28,5	28,3	+, Giấy, in, văn phòng phẩm	19,9	16,9	0,25  0,50  1,50
Năm	Giá trị	Quy mô	Bán kính																													
2000	31,2	1	1																													
2007	96,1	3,08	1,76																													
Năm	2000	2007																														
Tổng số	100,0	100,0																														
Trong đó:																																
+, Dệt, may	51,6	54,8																														
+, Da, giày	28,5	28,3																														
+, Giấy, in, văn phòng phẩm	19,9	16,9																														
3	<p><b>Nhận xét: (2,0 điểm)</b></p> <p>Từ năm 2000-2007 CNSX hàng tiêu dùng nước ta có sự thay đổi cả về quy mô và cơ cấu:</p> <p>* <u>Về quy mô</u>: Tổng giá trị SX và giá trị SX của từng ngành đều tăng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giá trị SX tăng 64,9 nghìn tỉ đồng (tăng 3,08 lần)</li> <li>- Ngành dệt, may tăng 36,6 nghìn tỉ đồng (tăng 3,27 lần)</li> <li>- Ngành da, giày tăng 18,3 nghìn tỉ đồng (tăng 3,06 lần)</li> <li>- Ngành giấy, in, văn phòng phẩm tăng 10,2 nghìn tỉ đồng (tăng 2,61 lần).</li> </ul> <p>* <u>Về cơ cấu</u>: Do tốc độ tăng giá trị SX của từng ngành khác nhau nên cơ cấu có sự thay đổi mức độ khác nhau: Tăng tỉ trọng giá trị SX ngành dệt may, giảm tỉ trọng giá trị SX ngành da, giày, giấy, in, văn phòng phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉ trọng ngành dệt may tăng nhanh 3,2 %.</li> <li>- Tỉ trọng ngành da, giày giảm nhẹ 0,2 %.</li> <li>- Tỉ trọng ngành giấy, in, văn phòng phẩm giảm nhanh 3,0 %.</li> </ul>	0,50  0,25  0,25  0,50																														
<b>Tổng</b>		<b>20 điểm</b>																														

-----Hết-----

